TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2021/DS-PT
Ngày: 07/7/2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

Các Thẩm phán: bà Lâm Ngọc Phượng;

ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2021/TLPT-DS ngày 05/5/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 23/02/2021của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 119/2021/QĐ-PT ngày 07/6/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Phan Thị H, sinh năm 1964; nơi cư trú: số nhà 248, T10, ấp VT, xã VN, huyện CT, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Phạm Hữu C, sinh năm 1971 (có mặt);

2. Bà Lương Phụng H1, sinh năm 1972 (có mặt);

Cùng cư trú: T17, ấp VL, xã VH, huyện CT, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1964; nơi cư trú: số nhà 248, T10, ấp VT, xã VN, huyện CT, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Liêm là bà Phan Thị H, theo văn bản ủy quyền ngày 18/12/2020 (có mặt).

Người kháng cáo: ông Phạm Hữu C, bà Lương Phụng H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 01/10/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày: Trước đây ông Phạm Hữu C, bà Lương Phụng H1 có hỏi vay của bà một số tiền để làm ăn, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, mỗi mùa vụ trả 50.000.000đ. Tính đến ngày 19/9/2019, ông C, bà H1 còn nợ bà 190.000.000đ, ông C, bà H1 làm "Giấy nhận nợ" ngày 19/9/2019, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, trả lãi theo mùa vụ, hẹn đến tháng 02/2020 trả 50.000.000đ, nhưng không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CT xem xét buộc ông Phạm Hữu C, bà Lương Phụng H1 có nghĩa vụ trả lại bà một lần số tiền đã vay và còn nợ là 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 19/9/2019 cho đến ngày giải quyết vụ án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2020 và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Hữu C, bà Lương Phụng H1 trình bày: Ông, bà không có bà con với ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1964 và bà Phan Thị H, sinh năm 1964; chỉ là hàng xóm có đất canh tác gần nhau. Cách nay khoảng 5 năm ông, bà có hỏi vay tiền bà Phan Thị H nhiều lần, lãi suất từ 8.000đ - 10.000đ/1.000.000đ/ngày, ông, bà đóng lãi đầy đủ. Đến khoảng giữa năm 2019 ông, bà còn nợ bà H1 240.000.000đ, sau đó ông, bà trả được 50.000.000đ, còn nợ lại 190.000.000đ. Sau đó ngày 19/9/2019, ông bà lập "Giấy nhận nợ" có nội dung: "Có nhận nợ số tiền 190.000.000đ (một trăm chín chục triệu đồng), lãi suất: 1%/ngày, thời hạn trả: đến tháng 2/2020 trả thêm 50.000.000đ. Chúng tôi nhận nợ số tiền nêu trên của cô Phan Thị H, sinh năm 1964, ngụ ấp VT, xã VN, huyện CT, tỉnh An Giang. Nay chúng tôi ký tên vào giấy nhận nợ để làm bằng, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về số nợ trên". Từ sau khi lập Giấy nhận nợ cho đến tháng 2/2020 cũng như cho đến nay ông, bà chưa trả cho bà H1 190.000.000đ, cũng như không đóng lãi theo thỏa thuận cho bà H1. Nay ông, bà xác nhận có nợ bà H1 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng) và đồng ý trả cho bà H1 số tiền trên. Yêu cầu bà H1 không tính lãi, yêu cầu trả dần 3 tháng trả 5.000.000đ cho đến khi hết nợ, thời điểm trả lần đầu 01/3/2021. Về lãi suất thỏa thuận khi vay là 1%/tháng, trả lãi theo mùa vụ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 23/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện CT đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H.

2. Buộc bị đơn ông Phạm Hữu C, bà Lương Phụng H1 phải trả cho nguyên đơn bà Phan Thị H số tiền còn nợ như sau: Vốn vay là 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng), tiền lãi là 33.059.000đ (ba mươi ba triệu không trăm năm mươi chín ngàn đồng), tính đến hết ngày 23/02/2021, tổng cộng là 223.059.000đ (hai trăm hai mươi ba triệu không trăm năm mươi chín ngàn đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (23/02/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1%/tháng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, lãi suất chậm trả, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 08/3/2021 (đơn đề ngày 05/3/2021) ông Phạm Hữu C, bà Lương Phụng H1 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm và yêu cầu được miễn tiền án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn trình bày: Trước đây có vay của bà Phan Thị H 20.000.000đ không làm biên nhận lãi suất 10% ngày, đóng lãi đầy đủ cho bà Phan Thị H. Đến ngày 04/10/2018 vay thêm tổng cộng 200.000.000đ, thực tế có nhận đủ 200.000.000đ, có làm biên nhận ngày 04/10/2018, từ ngày 04/10/2018 cho đến ngày 05/4/2019 cứ 5 ngày đóng lãi 4.250.000đ. Ngày 05/4/2019 vay thêm 40.000.000đ là 240.000.000đ, 5 ngày đóng lãi cho bà H1 6.000.000đ. Đến 19/9/2019 trả 50.000.000đ, còn lại 190.000.000đ làm biên nhận 19/9/2019 thỏa thuận lãi suất 1%, cam kết đến tháng 02/2020 trả 50.000.000đ nhưng đến nay không thực hiện được và từ 19/9/2019 đến nay không trả lãi theo thỏa thuận như trong biên nhận. Tổng số tiền đóng lãi cho bà H1 bao nhiêu không nhớ và không có giấy tờ gì chứng minh. Ông, bà thống nhất còn nợ bà H1 190.000.000đ theo biên nhận ngày 19/9/2019; số tiền lãi đã đóng cho bà H1 trước đây không có yêu cầu gì. Bị đơn xác định kháng cáo: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho ông, bà không trả lãi như án sơ thẩm đã tuyên và xin trả dần 1 mùa vụ (4 tháng) trả 5.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Nguyên đơn: không đồng ý với yêu cầu trả dần và giảm lãi của bị đơn.

Phần tranh luận:

Bị đơn: yêu cầu xem xét không trả lãi và xin được trả dần 1 mùa vụ (4 tháng) trả 5.000.000đ do hoàn cảnh gia đình hiện nay rất khó khăn.

Nguyên đơn: không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: bị đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý giải quyết đúng quy định. Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án:

Theo giấy nhận nợ ngày 19/9/2019 mà nguyên đơn cung cấp thì bị đơn có nợ nguyên đơn 190.000.000đ, bị đơn cũng thừa nhận nợ nguyên đơn 190.000.000đ, cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả nguyên đơn 190.000.000đ và lãi suất là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo yêu cầu nguyên đơn cho trả dần và không đồng ý trả lãi nhưng không được nguyên đơn đồng ý, bị đơn không cung cấp được chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: bị đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được cấp chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 190.000.000đ và lãi suất căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 19/9/2019. Bị đơn thống nhất có nợ của nguyên đơn số tiền trên theo biên nhận nợ ngày 19/9/2019 mà nguyên đơn cung cấp, nhưng cho rằng đã trả lãi cho nguyên đơn 1 ngày 10% trên tổng số nợ từ năm 2018 đến năm 2019, yêu cầu nguyên đơn không tính lãi và xin được trả dần 4 tháng 5.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là thực tế có xảy ra căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 19/9/2019 do nguyên đơn cung cấp và được bị đơn thừa nhận, theo đó bị đơn có nợ nguyên đơn 190.000.000đ. Theo giấy nhận nợ bị đơn có cam kết đến tháng 02/2020 sẽ trả cho nguyên đơn 50.000.000đ nhưng đến nay không thực hiện và cũng không đóng lãi cho nguyên đơn như thỏa thuận. Việc bị đơn không thực hiện đúng cam kết đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vì vậy cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền vốn 190.000.000đ và lãi suất 33.059.000đ được tính theo thỏa thuận 1% tháng là có căn cứ, không trái pháp luật và có lợi cho bị đơn.

Bị đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng từ năm 2018 đến ngày 19/9/2019 đã đóng lãi cho nguyên đơn 1 ngày 10% trên tổng số tiền nợ theo các biên nhận, số tiền lãi bị đơn trả cho nguyên đơn rất lớn, nhưng không nhớ là bao nhiêu. Việc bị đơn trình bày đã trả lãi cho nguyên đơn 1 ngày 10% nhưng không có chứng cứ chứng minh. Hơn nữa bị đơn cũng thừa nhận còn nợ nguyên đơn 190.000.000đ, không có yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã trả cho nguyên đơn. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn cho trả dần 4 tháng 5.000.000đ và xin không trả lãi nhưng không được nguyên đơn đồng ý và không cung cấp được chứng cứ mới do đó không có cơ sở chấp nhận, đáng lẽ phải giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên, về lãi suất chậm trả các đương sự không có thỏa thuận, án sơ thẩm tuyên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (23/02/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1%/tháng là trái với quy định tại khoản 2 Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015, do đó cần phải sửa án sơ thẩm về cách tuyên án.

[3] Về án phí sơ thẩm: bị đơn yêu cầu được miễn nộp án phí, căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị đơn không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên không chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm bị đơn không phải chịu án phí, được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hữu C, bà Lương Phụng H1 về việc yêu cầu được trả dần và yêu cầu không trả lãi cho nguyên đơn.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 23/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang về cách tuyên án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H.

2. Buộc bị đơn ông Phạm Hữu C, bà Lương Phụng H1 phải trả cho nguyên đơn bà Phan Thị H số tiền còn nợ như sau: vốn vay là 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng), tiền lãi là 33.059.000đ (ba mươi ba triệu không trăm năm mươi chín ngàn đồng) tính đến hết ngày 23/02/2021, tổng cộng là 223.059.000đ (hai trăm hai mươi ba triệu không trăm năm mươi chín ngàn đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí sơ thẩm:

Ông Phạm Hữu C, bà Lương Phụng H1 phải chịu 11.152.000đ.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Phan Thị H 4.750.000đ (bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng

án phí số 0007291 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh An Giang.

5. Về án phí phúc thẩm: ông Phạm Hữu C, bà Lương Phụng H1 không phải chịu án phí phúc thẩm, mỗi người được nhận lại 300.000đ tại các biên lai thu tạm ứng án phí số 0007175 và số 0007176 cùng ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện CT;
- THADS huyện CT;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV & THA;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Phượng